

# Đứa Bé - Le Bébé

Claude Poncet - Người Dịch Miêng

Khi người đàn bà trong ban cứu tế thành phố Rome mang tiền tới cho chúng tôi, cả bà ta, cũng hỏi là tại sao chúng tôi sinh chi nhiều con đến thế. Vợ tôi hôm ấy bần tính, dấm dãi nói toạc sự thật ra:

- Nếu có tiền, chiều chiều chúng tôi cũng sẽ đi ci-nê... bởi vì không có nên đi ngủ sớm. Vậy là có con. Nghe những lời đó thì bà ta kiêu cách bỏ đi, cắn chặt môi. Tôi trách nhà tôi, bởi sự thật không phải lúc nào nói ra cũng tốt, và còn phải biết mình đang nói chuyện với ai chứ.

Khi còn trẻ và chưa lập gia đình, tôi thường giải trí bằng cách đọc mục tin tức của Rome trong báo, kể đủ loại bất hạnh có thể xảy tới cho người ta: trộm cắp, giết người, tự tử, tai nạn giao thông, vân vân. Và giữa những tai ương này, điều duy nhất mà tôi cho là không thể nào chịu để xảy đến cho mình, là trở thành cái mà nhà báo gọi là "trường hợp đáng thương", tức là một người gọi lên lòng thương hại của kẻ khác không vì một bất hạnh gì đặc biệt, mà chỉ vì sự hiện hữu của mình thôi! Tôi vừa nói là hồi đó còn trẻ, và chưa hiểu thế nào là nuôi nấng một gia đình đông đúc. Nhưng bây giờ, tôi nhận thấy một cách hãi hùng rằng từ từ, tôi biến thành một trong những "trường hợp đáng thương" đó. Ví dụ tôi đọc thấy: "Họ sống trong sự khốn cùng đến tối nhất..." Vậy mà hiện tại tôi đang sống trong cảnh khốn cùng đến tối nhất. Hay là: "Họ ở trong cái nhà chỉ có tên gọi là nhà". Thế mà tôi sống ở Tormarancio, với vợ và sáu con, trong một căn phòng chỉ rộng bằng tám nệm, và khi trời mưa thì nước chảy trên đó như trên bến Ripetto. Tôi còn đọc thấy: "Khi người đàn bà bất hạnh biết là mình có bầu, bà ta vội lấy một quyết định tội lỗi là hủy diệt cái trái của cây tình yêu đó đi..." . Vậy mà cái quyết định này, vợ chồng tôi cùng đồng lòng, khi khám phá ra rằng vợ tôi có bầu lần thứ bảy. Tóm lại, chúng tôi định là khi thời tiết cho phép, chúng tôi sẽ mang đứa bé bỏ trong một nhà thờ, trông nhờ vào lòng hảo tâm của người nào bắt gặp nó đầu tiên. Luôn luôn nhờ các bà trong ban cứu tế ấy, vợ tôi đi sinh ở bệnh viện và khi lấy lại sức thì trở về Tormarancio với đứa bé. Bước vào căn phòng của chúng tôi, vợ tôi nói:

- Nhà biết không, mặc dầu bệnh viện luôn luôn là bệnh viện, tui sẵn lòng ở lại đó hơn là về đây. Với những lời đó, đứa bé làm như hiểu được, bèn tấn công bằng những tiếng ré thủng màng nhĩ. Một cái phổi tốt, mạnh khỏe, và nó tốt giọng đến nỗi ban đêm khi nó thức giấc và bắt đầu mè neho thì không ai trong chúng tôi ngủ lại được.

Khi tháng năm tới, thời tiết bắt đầu ấm áp có thể ở ngoài mà không cần mặc tồ, chúng tôi đi Rome. Vợ tôi ôm chặt đứa bé vào ngực, ních cho nó đầy giẻ rách như thể sắp bỏ nó giữa đồng tuyết. Và khi tới thành phố, chắc là để che giấu nỗi đau lòng, vợ tôi bắt đầu thao thao bất tuyệt, hỗn hển đứt hơi, tóc tai bay trong gió, mắt lộn tròng. Khi thì bà nói về các nhà thờ khác nhau mà chúng tôi có thể bỏ đứa bé lại đó, giải thích rằng phải là một nhà thờ thường có nhiều người giàu có tới lui - bởi vì nếu đứa bé rơi vào tay người nghèo như chúng tôi thì tốt nhất là cứ giữ nó lại. Khi thì bà nói rằng phải là nhà thờ cống hiến cho bà Thánh Madone, bởi vì Thánh Madone cũng từng có một đứa con trai nên có thể hiểu được một số chuyện và sẽ nhận lời cầu xin của bà... Sự liên tưởng này làm tôi mệt và bị kích động dữ dội. Hơn nữa là tôi không hãnh diện gì và không thích việc mình đang bắt buộc làm. Nhưng tôi không nói gì, tự nhủ thầm là phải giữ cái đầu thật lạnh, chứng tỏ mình trầm tĩnh và giúp vợ can đảm. Tôi đưa ra vài nhận xét, với mục đích chính là cắt đứt cái trò tràng giang đại hải ấy, nói:

- Tôi có ý này... nếu mình bỏ nó ở nhà thờ Thánh Pierre?  
Nhà tôi hơi lưỡng lự một chút rồi nói:  
- Cái nhà thờ đó cứ như là một nơi bí mật quân sự... mình có thể sẽ không bao giờ thấy lại thằng bé... Không, tui muốn thử ở cái nhà thờ nhỏ ở Condotti. Ở đó toàn là tiệm hàng đẹp để... biết bao nhiêu người giàu có tới lui... chỗ đó tốt đấy...

Chúng tôi đi xe buýt, và giữa các hành khách khác, nhà tôi im. Thỉnh thoảng bà còn quán đứa bé trong chăn chặt hơn, hay cẩn trọng giở hé ra để nhìn mặt nó. Thằng bé ngủ, khuôn mặt xinh xắn trắng hồng vui trong đồng tã lót. Quần áo nó tòi tàn như chúng tôi, và chỉ có vẻ đàng hoàng ở đôi găng tay len xanh nhạt thò ra ngoài nên cứ thể như nó muốn khoe. Chúng tôi xuống đại lộ Goldoni và tức thì vợ tôi bắt đầu cà kê dê ngỗng. Bà dừng lại trước một tiệm kim hoàn, chỉ cho tôi xem những món bày trong tủ trên tám nhưng đỡ và nói:

- Nhìn mấy món đẹp quá nè ... người ta đến khu này chỉ để mua nữ trang và bao nhiêu thứ đẹp để khác... người nghèo như tui mình thì đừng có mạo hiểm vào đấy... họ thì giữa cửa tiệm này và cửa tiệm khác lại vào nhà thờ cầu nguyện một lát... họ có đầy lòng tốt... một trong bọn họ sẽ trông thấy thằng bé và đem nó đi.

Nhà tôi vừa nói vừa nhìn đồ nữ trang, ép chặt thẳng bé vào ngực, mảy nhíu lại như thể nói với chính mình, và tôi không dám hó hé gì. Chúng tôi vào nhà thờ: nó nhỏ xíu, tường dát đá hoa giả màu vàng, ngoài bàn thờ lớn ra còn có rất nhiều nhà nguyện. Nhà tôi tức thì tuyên bố là nó hoàn toàn khác với hình ảnh nhà tôi nghĩ, và rằng bà không hài lòng về nó chút nào. Vậy mà bà cũng chắm tay vào nước phép và làm dấu thánh giá. Rồi, với đứa bé trong tay, nhà tôi đi chầm chậm một vòng quanh nhà thờ với vẻ bất mãn và nghi ngờ. Từ vòm nóc đổ xuống một luồng ánh sáng lạnh nhưng sống động, xuyên qua lớp kính màu. Vợ tôi đi từ nhà nguyện này đến nhà nguyện khác, thám thính hết mọi cái, ghế, bàn thờ, tranh ảnh, coi thử có tiện bỏ đứa bé lại đây không - và tôi thì lẻo đẻo theo sau cách một quãng, vừa nhìn chừng cửa ra vào.

Một cô gái cao lớn ăn vận toàn đồ, tóc vàng óng bướt vô. Hơi vương vì cái rộp chặt bó, cô ta quỳ gối và sau vài giây cầu nguyện, cô làm dấu rồi bỏ đi ra, không thèm nhìn chúng tôi lấy một cái. Theo dõi mọi cử chỉ đó, vợ tôi thỉnh thoảng nói:

- Không, nhất quyết là không... những người tới đây đều như cái cô đó hết, ai cũng vội vã đi vui chơi và tha thần trong các cửa hàng... mình đi thôi.

Và vừa nói, vợ tôi bước ra khỏi nhà thờ. Chúng tôi ngược lên gần hết Corso, bước rất nhanh, vợ đi trước, tôi theo sau, và ngang tới quảng trường Venise, chúng tôi vào một nhà thờ khác. Nhà thờ này lớn hơn cái trước nhiều, một phần chìm trong bóng râm, đầy màn trướng xếp nếp, đồ mạ vàng và hòm thánh tích đựng những quả tim bằng bạc sáng lấp lánh trong bóng tối. Có rất đông người và chỉ một cái nhìn thoáng qua cũng đủ biết là họ thuộc thành phần khá giả. Các bà đội mũ, các ông ăn bận chỉnh tề. Một ông linh mục đang giảng đạo, vung vẩy hai tay trên giảng đài. Thiên hạ đứng, dán mắt vào ông ta và tôi nghĩ là rất thuận tiện bởi không ai để ý chúng tôi. Tôi nói nhỏ với vợ:

- Mình thử bỏ nó ở đây?

Nhà tôi ra dấu đồng ý. Chúng tôi đi tới nhà nguyện bên cạnh, rất tối. Không có ai và có thể nói là không thể trông thấy gì ở đó hết. Vợ tôi che mặt đứa bé bằng một vật chặn và đặt nó trên ghế như thể đặt một cái gói công kênh cho tay được rảnh rang. Rồi bà quỳ xuống và cầu nguyện rất lâu, úp mặt vào lòng bàn tay. Tôi thì không biết làm gì, nhìn vớ vẩn vào hàng trăm con tim bạc đủ cỡ phủ kín tường.

Cuối cùng vợ tôi đứng lên với vẻ căng thẳng, làm dấu và từ từ rời nhà nguyện. Tôi theo sau cách một quãng. Lúc đó ông cha đạo kêu to lên:

- Và Chúa hỏi Pierre, con đi đâu đấy?

Tôi rùng mình với cảm tưởng ông đang hỏi mình. Nhưng khi vợ tôi sắp vén tấm trướng cửa, một giọng nói làm cả hai chúng tôi giật nảy người:

- Này bà, bà bỏ quên cái gói trên ghế.

Đó là một bà vận toàn đen, một trong những kẻ mê đạo suốt ngày tiêu thì giờ trong các nhà thờ và kho đồ lễ. Vợ tôi nói:

- A vâng đúng rồi, cảm ơn... tôi quên mất.

Chúng tôi lấy lại cục nợ và ra khỏi thánh địa, dở sống dở chết. Ra tới ngoài, bằng một giọng của người bán hàng muốn tống bồi lỗi khừ món hàng đi mà không tìm ra người mua, vợ tôi nói:

- Không ai muốn nó cả, thẳng bé tội nghiệp của tôi!

Tuy nhiên bà bắt đầu chạy lon ton với những bước chân giật giật từng cơn như không bèn đất.

Chúng tôi đổ ra quảng trường Saints-Apôtres. Nhà thờ mở cửa, và khi vào thấy nó rộng mênh mông và tối, vợ tôi thầm thì:

- đây tốt đấy.

Bằng một bước cả quyết, vợ tôi tiến tới nhà nguyện ở bên, đặt đứa bé xuống băng, rồi làm như bị đất nung hai chân, bà không làm dấu, không cầu nguyện, không đặt ngay cả một cái hôn lên trán thẳng bé, bước vội ra cửa. Nhưng vừa đi được vài bước thì trong nhà thờ dội lên tiếng khóc tuyệt vọng: đã tới giờ thẳng bé đòi bú, nó đói. Với tiếng ré chát chúa đó, vợ tôi mất bình tĩnh. Trước tiên nhà tôi chạy ra cửa, rồi chạy ngược trở lại, và không cần biết mình đang ở đâu, bà ngồi xuống ghế bồng đứa bé lên và mở cúc áo ra để cho nó bú. Vợ tôi vừa mới móc vú ra là thẳng bé bám riết với cả hai tay như một con sói con, ư hử im lặng. Đúng lúc ấy một giọng giận dữ la to lên:

- Những việc đó không bao giờ được làm trong nhà của Chúa... ra ngay... ra ngay... đi ra đường mà làm!

Đó là ông giữ nhà thờ, một ông già nhỏ bé với chòm râu cằm trắng và giọng nói to hơn ông ta. Vợ tôi vừa đứng lên vừa nói, hai tay khép vội ngực áo và đầu thẳng bé:

- Vậy mà bà Thánh Madone trong những bức tranh luôn luôn là cho con bú.

Ông ta la lên:

- Mày dám so sánh với bà Madone hả? Đồ tự phụ!

Chán quá, chúng tôi ra ngồi trong cái vườn nhỏ quảng trường Venise, vợ tôi cho con bú tiếp cho tới khi nó no nê ngủ lại.

Bây giờ đêm xuống rồi, các nhà thờ đều đóng cửa, chúng tôi mệt lử và đầu óc mê muội không nảy sinh được một điều gì nữa. Với ý nghĩ đã phiền phức nhiều để làm một cái việc đáng lẽ không nên làm, tôi cảm thấy tuyệt vọng. Tôi bảo:

- Này, khuya rồi và tui không chịu nổi nữa... mình phải quyết định đi thôi!

Vợ tôi trả lời với giọng chua chát:

- Nhưng là giọt máu của ông!... và ông muốn bỏ nó như vậy đó, trong một góc, như thể để một chéo giấy đựng đồ lòng cho mèo vậy!
- Dĩ nhiên là không, nhưng có những việc người ta có thể làm tức khắc không đắn đo hay là không bao giờ làm cả
- Thực tình là ông sợ tui đổi ý và đem nó về nhà trở lại... đàn ông các ông, các ông toàn là những thằng hèn!

Tôi hiểu không phải là lúc nói ngược lại nên trả lời một cách khá ung dung:

- Tui hiểu bà. Nhưng nên biết là dù có việc gì không hay xảy ra cho nó đi nữa thì cũng tốt hơn là lớn lên ở Tormarancio, trong một căn phòng không cầu tiêu không nhà bếp, giữa bao vi khuẩn mùa đông và ruồi muỗi mùa hè.

Và lần này thì vợ tôi không trả lời.

Không biết đi đâu, chúng tôi lấy đường quốc lộ ngược lên hướng tháp Néron. Tôi để ý thấy xa hơn một chút là con đường dốc nhỏ, hoàn toàn vắng vẻ, trừ một chiếc xe hơi xám cửa đóng, đậu trước cổng nhà. Tôi nảy ra một ý, tới thẳng chiếc xe vận cái nắm tay: cửa mở. Tôi bảo nhà tôi:

- Nhanh lên, lúc này được rồi. Đặt nó lên ghế sau.

Nhà tôi vâng lời đặt đứa bé lên ghế và tôi đóng cửa lại. Mọi việc xảy ra chớp nhoáng trong vòng vài giây đồng hồ và không ai trông thấy. Rồi tôi nắm cánh tay vợ và chúng tôi chạy tránh xuống quảng trường Quirinal.

Quảng trường vắng teo tối om với thừa thớt vài ngọn đèn đường chiếu sáng ở cung điện, và vượt khỏi phần trên các lan can là ánh sáng của Rome lấp lánh trong đêm. Vợ tôi bước tới vòi nước, đến gần cột tháp và ngồi xuống băng ghế rồi thốt nhiên bật khóc, lưng quay lại tôi như thể bỏ đang chỉ một mình. Tôi hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Nhà tôi trả lời:

- Bây giờ bỏ nó rồi thì tui nhớ nó quá... tui thấy thiếu thiếu cái gì ở đây, chỗ ngực mà nó bầu vào đây này.

Tôi nói không chủ định:

- Ô, thì cũng dễ hiểu thôi... nhưng rồi sẽ qua đi.

Vợ tôi nhún vai và cứ khóc. Rồi thỉnh thoảng nhìn nhà tôi ráo hoảnh như gió trời thổi khô nước mưa. Bà đứng lên giận dữ chỉ cho tôi một trong những lâu đài:

- Bây giờ tui biết phải đi đâu rồi, tui đi gặp ông vua và sẽ kể hết.

Tôi nắm tay nhà tôi và la lên:

- Đứng yên! bà điên sao chớ... bà biết thừa là không còn vua nữa mà!
- Tui cóc cần, tui sẽ nói với người thay thế ông... chắc chắn là phải có ai chớ!

Nhà tôi sắp chạy tới cổng ra vào và chỉ có trời mới biết chuyện khủng khiếp gì sẽ xảy ra, thì dùng một cái, tôi nói ngoài dự định:

- Này bà, tui suy nghĩ lại rồi... mình quay tới chiếc xe lấy lại thằng nhỏ... chớ còn gì nữa, mình sẽ giữ nó... thêm bớt một miếng thì nhằm nhò gì...

Cái ý đó đương nhiên là ý muốn chính của vợ tôi, nó xoá liền ý nghĩ muốn nói chuyện với vua.

- Nhưng liệu nó còn đó không?

Vừa nói vợ tôi vừa chạy tới con đường có chiếc xe hơi xám. Tôi trả lời:

- Dĩ nhiên là còn. Nãy giờ chưa tới năm phút mà.

Chiếc xe còn đó thật. Nhưng đúng lúc vợ tôi mở cửa xe thì một ông cỡ trung niên béo lùn với vẻ mặt rất hách dịch, xuất hiện ở cổng và la lên:

- Dừng lại... dừng lại... bà muốn lấy gì trong xe tôi đấy?

Nhà tôi đang nhào người vào xe ôm đưa bé, trả lời mà không quay đầu lại:

- Tui muốn lấy cái gì thuộc về tui!

Ông kia nhấn mạnh:

- Mà bà lấy cái gì?... cái xe này là của tôi... bà hiểu không? Nó là của tôi...

Phải nhìn thấy vợ tôi lúc đó: bả đứng thẳng lên và tấn công như vậy:

- Coi kia, ai lấy cái gì của ông? Đừng sợ, không ai lấy gì của ông đâu... còn xe của ông đấy hả, coi nè, tui nhổ lên nó đấy, ông thấy chưa?

Và bả nhổ thật lên cánh cửa. Ông kia ngẩn ra:

- Nhưng mà kia, cái gói gì đấy... ?

- Không phải là gói gì cả, đây là con trai tui, ông nhìn nè...

Vừa nói nhà tôi vừa dờ lơì mặt thẳng bé ra chìa tới trước mặt ông ta và tiếp:

- Một thằng con trai xinh xắn như thế này, nếu ông tin là ông có khả năng tạo ra một đứa như vậy với vợ ông... và tui báo trước là không được đụng tới tui, nếu không tui sẽ la lên gọi cảnh sát và nói là ông muốn bắt cóc con tui...

Tóm lại, nhà tôi nói đủ điều, tới nỗi mà tội nghiệp ông ta, ông ta trở nên đồ tía và há hốc mồm ra như thể đang bị xuất huyết não. Cuối cùng nhà tôi bỏ đi không vội vã gì, con trong tay, trở lại chỗ tôi đang chờ ở cuối con đường.

Miêng chuyển ngữ theo bản Pháp văn "Le Bébé"

của bà Claude PONCET

Nguyên tác của Alberto Moravia

Paris, Aout 1995.

***Con trai của một kiến trúc sư người Ý, Alberto Moravia sinh ngày 28- 11- 1907 tại Rome. Mặc dầu quyển tiểu thuyết đầu tay ông viết vào năm mới 19 tuổi, "Les Indifférents", đã đánh dấu tài năng của một văn sĩ già dặn. Nhà văn hiện thực và mạnh bạo của thế giới hiện đại, Moravia là một văn sĩ nổi danh nhất trong các văn sĩ Ý đương thời. Các tác phẩm sau đây đã được đưa lên màn ảnh La Belle Romaine, Le Mépris, La Ciociara, Le Conformiste***